TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HSST
Ngày: 14.8.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Trung Dũng và bà Vũ Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Dương Sơn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự, thụ lý số 62/2024/TLST-HS ngày 09/7/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2024/QĐXXST-HS ngày 31/7/2024 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1983; nơi cư trú: thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12. Con ông: Nguyễn Duy T, con bà: Trần Thị N; vợ Nguyễn Thị N. Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án: không. Tiền sự: ngày 15/3/2024 bị Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC về hành vi Trộm cắp tài sản. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 26/3/2024, chuyển tạm giam ngày 28/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Kim Động. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1974, trú tại: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

2. Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990, trú tại: thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Ngô Văn V, sinh năm 1986, trú tại: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991, trú tại: thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- Người chứng kiến: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964, trú tại: thôn Q, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Duy T có tiền sự về hành vi Trộm cắp tài sản. Do cần tiền tiêu xài cá nhân, khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/3/2024, T điều khiển xe mô tô biển số 89E1-162.42 đi đến nhà bà Nguyễn Kim C phát hiện 01 chiếc trục hút cát bằng sắt để ngoài lán trước cửa nhà chị C nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T bê chiếc trục hút cát trên lên xe mô tô, đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Ngô Văn V để bán. Đến nơi T và anh V tiến hành cân tịnh được 49 kg và bán cho anh V với giá 367.000 đồng, T không nói cho anh V biết là tài sản trộm cắp mà có. Số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 24/3/2024, T tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 89E1-162.42 đi đến nhà chị Bùi Thị T, thì phát hiện có 01 đống sắt vụn và 01 khung xe đạp điện hỏng ở ngoài lán trước cửa nhà chị Bùi Thị T nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T bê 01 khung xe đạp điện hỏng và một vài thanh sắt vụn lên xe mô tô trên chở đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh V để bán. Anh V cân chiếc khung xe đạp hỏng được 21kg, các thanh sắt vụn có khối lượng 20kg, anh V mua với giá là 550.000 đồng, T không nói cho anh V tài sản trên là do trộm cắp mà có. Số tiền trên T đã tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 00 giờ 30 phút, ngày 25/3/2024, T đi đến nhà chị Bùi Thị T tìm sơ hở để trộm cắp tài sản nhưng chưa kịp trộm cắp được tài sản gì thì bị Công an xã Phú Thịnh phát hiện mời về trụ sở Công an xã Phú Thịnh làm việc. Chị Bùi Thị T và bà C có đơn trình báo về việc mất tài sản.

Ngày 25/3/2024 anh Ngô Văn V tự nguyện giao nộp cho Công an xã Phú Thịnh 01 khung xe đạp điện hỏng khai mua của T trước đó.

Hồi 09 giờ 30 phút ngày 26/3/2024, Công an xã Phú Thịnh kiểm tra hiện trường xảy ra vụ việc ngày 24/3/2024 đã thu giữ 01 xe mô tô, biển số 89E1-162.42 và một điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và chuyển hồ sơ vụ án đến Cơ quan điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra).

Tại Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Động kết luận: 01 khung xe đạp điện có giá trị tại thời điểm định giá tài sản là 157.500 đồng; giá trị các thanh sắt vụn có khối lượng 20kg, tại thời điểm định giá tài sản là 150.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Động kết luận: giá trị trục bơm không sử dụng được có khối lượng 49kg, tại thời điểm định giá tài sản là 392.000 đồng.

Nguyễn Duy T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với anh Ngô Văn V mua 01 chiếc trục hút cát bị hỏng, 01 khung xe đạp điện bị hỏng và các thanh sắt vụn của T, qua điều tra xác định anh V không biết T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với anh V.

Về vật chứng:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HondaWaveS màu sơn Đỏ -Trắng, biển số 89E1-162.46, qua điều tra xác định là tài sản chung của T và vợ là chị Nguyễn Thị N. Chị N không biết T sử dụng và việc phạm tội, chị N xin được nhận lại xe mô tô trên.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, qua điều tra xác định là tài sản của T.

+ 01 khung xe đạp điện qua điều tra xác định là tài sản cùa chị Bùi Thị T, chị xin lại tài sản trên.

+ 01 trục hút cát là tài sản của bà C và các thanh sắt vụn nặng 20 kg là tài sản của chị Bùi Thị T. Sau khi mua của T, anh V đã bán cho người đi đường thu mua phế liệu, anh V không biết tên, tuổi, địa chỉ của họ nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà C yêu cầu T bồi thường theo kết quả định giá tài sản.

+ Chị Bùi Thị T yêu cầu T bồi thường 20 kg sắt vụn theo kết quả định giá tài sản.

+ Anh V tự nguyện không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 410.000 đồng anh đã trả cho T khi mua chiếc khung xe đạp điện hỏng.

Cáo trạng số 63/CT-VKSKĐ ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Nguyễn Duy T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Duy T về tội "Trộm cắp tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội: Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Duy T từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ 26/3/2024.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS màu sơn Đỏ - Trắng, biển số 89E1-162.42 và 01 giấy đăng ký xe mô tô nhãn hiệu HondaWaveS, biển số đăng ký 89E1-162.42, tên chủ xe Nguyễn Duy T. Trả lại chị Nguyễn Thị N ½ giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS mà sơn Đỏ - Trắng, biển số 89E1-162.42.

+ Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động Masstel.

+ Trả lại bà Bùi Thị T 01 khung xe đạp điện hỏng.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo phải bồi thường trả bà Nguyễn Kim C số tiền 392.000 đồng và chị Bùi Thị T số tiền 150.000 đồng.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn V cho bị cáo số tiền anh đã mua khung xe đạp điện hỏng của bị cáo là 410.000 đồng.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo*:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản vụ việc; Biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra vụ việc, Biên bản làm việc và Bản ảnh; Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2024 và Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 13/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Kim Động và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/3/2024, tại nhà bà Nguyễn Kim C ở thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Duy T có hành vi trộm cắp 01 trục hút cát có khối lượng 49 kg trị giá 392.000 đồng. Khoảng 01 giờ 10 phút ngày 24/3/2024, tại nhà chị Bùi Thị T, ở thôn T, xã P, huyện K, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Duy T có hành vi trộm cắp 01 chiếc khung xe điện bị hỏng và các thanh sắt vụn nặng khoảng 20 kg, tổng trị giá là 307.500 đồng. Như vậy, bị cáo T có hành vi trộm cắp tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng, nhưng trước đó ngày 15/3/2024 bị cáo đã bị Công an huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên, xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, hành vi của bị cáo nêu trên đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản. Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản, theo quy

định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

- Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình.

- Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; được quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân xấu.

[4] Xét về tính chất, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật, nhưng trong một thời gian ngắn bị cáo đã lén lút trộm cắp tài sản của chị C và chị Bùi Thị T, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

[5] Về hình phạt: căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy, phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có thể giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt.

[6] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy, bị cáo là lao động tự do, có thu nhập thấp không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại WaveS màu sơn Đỏ -Trắng, biển số 89E1-162.46 và đăng ký xe mô tô Honda loại WaveS, biển số 89E1-162.46, tên chủ sử dụng Nguyễn Duy T, là tài sản chung của vợ chồng T và chị Nguyễn Thị N. Chị N không biết Thục sử dụng và việc phạm tội, chị N xin được nhận lại xe mô tô trên. Xét thấy, bị cáo sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội, chị N không biết nên sẽ tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe mô tô và đăng ký xe mô tô trên sung Ngân sách nhà nước; trả lại chị N 1/2 giá trị chiếc xe mô tô trên.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, qua điều tra xác định là tài sản của T. T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại bị cáo.

+ 01 khung xe đạp điện hỏng, xác định là tài sản cùa chị Bùi Thị T, chị xin lại tài sản trên nên trả lại cho chị Bùi Thị T.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

+ Bà C, chị Bùi Thị T yêu cầu T bồi thường số tài sản bị mất Cơ quan điều tra không thu hồi được theo kết luận định giá tài sản. Xét thấy, yêu cầu của bà C và chị Bùi Thị T là có căn cứ nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bà C số tiền là 392.000 đồng, chị Bùi Thị T số tiền là 150.000 đồng.

+ Số tiền 440.000 đồng anh V trả tiền cho bị cáo khi mua khung xe đạp điện cũ hỏng của bị cáo, bị cáo đã tiêu xài hết, anh V tự nguyện cho bị cáo số tiền trên nên chấp nhận sự tự nguyện của anh V.

[9] Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Duy T.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Duy T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Duy T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 26/3/2024.

Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc bị cáo phải bồi thường trả bà Nguyễn Kim C số tiền 392.000 đồng và chị Bùi Thị T số tiền 150.000 đồng.

+ Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn V cho bị cáo số tiền bị cáo đã tiêu xài là 410.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS mà sơn Đỏ - Trắng, biển số 89E1-162.42 và 01 đăng ký xe mô tô HondaWaveS, biển số 89E1-162.46, tên chủ sử dụng Nguyễn Duy T. Trả lại chị Nguyễn Thị N 1/2 giá trị xe mô tô nhãn hiệu Honda WaveS màu sơn Đỏ - Trắng, biển số 89E1-162.42.

+ Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động màu xanh, nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng.

+ Trả lại chị Bùi Thị T 01 khung xe đạp điện hỏng.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng nêu trên được thể hiện theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Kim Động và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động ngày 10/7/2024).

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp

quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư Pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Oanh